

Bản án số: 78/2019/DS-ST

Ngày: 28- 11 -2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Tuấn Khanh

Ông Đặng Hoàng Mích

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đăng Phi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:***

Ông Lê Quốc Bảo -Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 115/2019/QĐST- DS ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

***-Nguyên đơn:*** Hồ Thị D, sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 405/PHT, ấp P, xã N, huyện B, tỉnh T.

***- Bị đơn:***

1. Đặng Văn L, sinh năm: 1953 (Vắng mặt)

2. Lê Thị Ô, sinh năm: 1954 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đặng Văn T, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

2. Đặng Vũ P, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

3. Đặng Vũ L, sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh T

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2019, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Hồ Thị D trình bày:

Vào ngày 21/12/2011 chị có cho vợ chồng ông Đặng Văn L và bà Lê Thị Ô vay số tiền là 30.000.000 đồng, vay không có kỳ hạn, lãi suất 5%/tháng, tiền lãi hai bên thỏa thuận là chị lấy từ tiền do Hợp tác xã thủy sản Đồng Tâm giao theo quy định của Hợp tác xã. Ông L, bà Ô có đưa cho chị bản chính sổ theo dõi góp vốn chia lãi hộ xã viên số 303 mang tên ông Đặng Văn L (Chủ hộ), sổ có 05 nhân khẩu gồm vợ chồng ông Đặng Văn L, bà Lê Thị Ô và 03 người con chung là các anh Đặng Văn T, Đặng Vũ P, Đặng Vũ L. Sau khi ông L, bà Ô vay số tiền trên thì chị đã lĩnh tiền ăn chia từ Hợp tác xã thủy sản Đồng Tâm cho đến ngày 30/01/2019 số tiền là 9.950.000 đồng (Trong đó ngày 30/01/2019 chị nhận 07 nhân khẩu có thêm 02 cháu nội của ông L, bà Ô). Sau ngày 30/01/2019 đến nay chị không có lãnh tiền ăn chia từ Hợp tác xã thủy sản Đồng Tâm do không có chia. Ông L, bà Ô không có trả vốn vay cho chị vẫn còn nợ số tiền vay là 30.000.000 đồng chưa trả. Ông L, bà Ô vay tiền của chị nói để trả nợ Ngân hàng.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Đặng Văn L, bà Lê Thị Ô phải trả cho chị số tiền vay là 30.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi suất.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị Hồ Thị D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

\* Bị đơn ông Đặng Văn L, bà Lê Thị Ô và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các anh Đặng Văn T, Đặng Vũ P và Đặng Vũ L các lần Tòa án triệu tập hòa

giải, xét xử đều vắng mặt nên không có lời khai.

\*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 26, 35, 39, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do và đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nên xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; Điều 27, 30 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị D. Ghi nhận chị D không yêu cầu trả lãi suất. Ông L, bà Ô và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có ý kiến gì về sổ theo dõi góp vốn chia lãi hộ xã viên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

##### **- Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn ông Đặng Văn L, bà Lê Thị Ô và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các anh Đặng Văn T, Đặng Vũ P và Đặng Vũ L đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng ông L, bà Ô, các anh T, P, L đều vắng mặt. Đơn khởi kiện của nguyên đơn chị D ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư

trú của bị đơn ông L, bà Ô và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các anh T, P, L. Ông L, bà Ô, các anh T, P, L vẫn còn sinh sống tại địa phương. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L, bà Ô, các anh T, P, L là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

**- Về nội dung vụ án:**

[1] Chứng cứ nguyên đơn chị D khởi kiện và cung cấp để chứng minh là biên nhận nợ đề ngày 21/12/2011, có dấu lặn tay của bị đơn ông Đặng Văn L (Bút lục số 17). Căn cứ biên nhận nợ thể hiện hợp đồng vay tài sản giữa chị Hồ Thị D với ông Đặng Văn L và bà Lê Thị Ô được xác lập vào ngày 21/12/2011 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Biên nhận nợ đề ngày 21/12/2011 (Bút lục số 17) nguyên đơn chị D cung cấp thể hiện ông L và bà Ô có vay của chị D số tiền là 30.000.000 đồng, vay không có kỳ hạn và có thỏa thuận lãi suất, phù hợp với số tiền vay nguyên đơn chị D khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định giữa chị D với ông L, bà Ô có quan hệ giao dịch vay tiền. Số tiền nợ vay 30.000.000 đồng hiện nay ông L và bà Ô chưa trả cho chị D là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho vợ chồng ông L, bà Ô biết yêu cầu khởi kiện của chị D, các đương sự đã nhận các văn bản của Tòa án nhưng ông L, bà Ô đều vắng mặt, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Điều này đã khẳng định ông L, bà Ô đã mặc nhiên thừa nhận còn nợ chị D số tiền vay chưa trả là 30.000.000 đồng. Chị D không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn chị D khởi kiện yêu cầu ông L, bà Ô phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay 30.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 471, 473, 477 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Nguyên đơn chị D khai quá trình giao dịch vay tiền, các bên có thỏa thuận lãi suất. Ông L, bà Ô có đưa nguyên đơn chị D 01 bản chính sổ theo dõi góp vốn chia lãi hộ xã viên số 303 mang tên ông Đặng Văn L (Chủ hộ), sổ có 05 nhân khẩu gồm vợ chồng ông Đặng Văn L, bà Lê Thị Ô và 03 người con chung là các anh Đặng Văn T, Đặng Vũ P, Đặng Vũ L để chị D lấy tiền lãi từ tiền ăn chia nghiệp của Hợp tác xã thủy sản Đồng Tâm trên sổ nhân khẩu được chia. Số tiền lãi chị D khai đã nhận từ lúc cho vay tiền đến ngày 30/01/2019 số tiền là 9.950.000 đồng (Trong đó ngày 30/01/2019 chị nhận 07 nhân khẩu có thêm 02 cháu nội của ông L, bà Ô). Qua xem xét số tiền lãi suất nguyên đơn chị D đã nhận không vượt quá quy định theo Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông Đặng Văn L, bà Lê Thị Ô và các anh Đặng Văn T, Đặng Vũ P, Đặng Vũ L đều vắng mặt không có yêu cầu xem xét số tiền lãi mà chị D đã nhận và không có yêu cầu gì liên quan đến sổ theo dõi góp vốn chia lãi hộ xã viên số 303 mang tên ông Đặng Văn L (Chủ hộ) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Nguyên đơn chị D không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ vay nêu trên. Đây là sự tự nguyện của chị D nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[5] Tại phiên Tòa chị D đề nghị Hội đồng xét xử không tuyên án phân lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự trong trường hợp ông Đặng Văn L, bà Lê Thị Ô chậm trả số tiền vay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của chị D nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Nguyên đơn chị D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà Ô cùng liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại biên bản xác minh ngày 14/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ thì ông L, bà Ô chung sống trước năm 1987, anh Đặng Văn T con của ông bà sinh năm 1987 nên xác định ông L, bà Ô là vợ chồng, số tiền vay chị D vào ngày 21/12/2011 được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông L, bà Ô, hôn nhân ông bà vẫn còn tồn tại. Do đó, ông L, bà Ô phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ vay nêu trên cho nguyên đơn chị D là đúng quy định pháp luật tại Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

**[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

Ông L, bà Ô là người cao tuổi. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông L, bà Ô được miễn nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 471, 473, 474, 476, 477, 298 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị D đòi ông Đặng Văn L, bà Lê Thị Ô trả tiền nợ vay.

2. Buộc ông Đặng Văn L, bà Lê Thị Ô phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Hồ Thị D số tiền nợ vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

3. Ghi nhận chị Hồ Thị D không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ vay nêu trên.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Đặng Văn L, bà Lê Thị Ô miễn nộp án phí.

Hoàn trả lại cho chị Hồ Thị D 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001365 ngày 11/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Hồ Thị D có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Đặng Văn L, bà Lê Thị Ô và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các anh Đặng Văn T, Đặng Vũ P, Đặng Vũ L vắng mặt tại phiên tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Nguyễn Hồng Phương**